

CHƯƠNG TRÌNH
Giảm nghèo giai đoạn 2011-2015

Thực hiện Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2011-2015 của UBND tỉnh Kiên Giang và Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 07/8/2006 của Tỉnh ủy Kiên Giang về xây dựng và phát triển thành phố Rạch Giá đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

Để đảm bảo thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ X nhiệm kỳ 2010-2015 và các mục tiêu xây dựng và phát triển thành phố đến năm 2020, trong đó có giảm hộ nghèo giai đoạn 2011-2015. UBND thành phố đề ra các chỉ tiêu nhiệm vụ chủ yếu tập trung thực hiện giai đoạn 2011-2015, cụ thể như sau:

PHẦN 1.
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TỪ NĂM 2006 -2010

Thành phố Rạch Giá là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của tỉnh Kiên Giang, cũng là nơi giao thương đầu mối quan trọng của tỉnh. Thành phố Rạch Giá có diện tích 103,643 km², được chia thành 11 phường, 01 xã, với 62 khu phố, 6 ấp, 1.205 tổ NDTQ, dân số có 49.450 hộ với 226.700 người, lao động trong độ tuổi có 139.015 người, chiếm 61,32%, số người có việc làm trong độ tuổi lao động có 106.540 người, chiếm 76,64% số người trong độ tuổi, cơ cấu lao động được phân ra như sau: ngành dịch vụ chiếm 68,96%, công nghiệp-TTCN-XD 12,91%, nông - lâm - ngư nghiệp 18,13%. Nhân dân chủ yếu sống bằng nghề thương mại, dịch vụ, du lịch, khai thác hải sản... và một số ít nông nghiệp ở phường, xã vùng ven. Dân cư nơi khác tập trung về làm ăn sinh sống ngày càng nhiều.

Trên cơ sở các chính sách, giải pháp hỗ trợ trực tiếp đến hộ nghèo; các chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; nhìn chung kinh tế thành phố đã có bước tăng trưởng khá, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2006-2010 là 14,25%, riêng năm 2010 là 15,12%; việc gắn kết phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội luôn được Đảng bộ, chính quyền quan tâm tạo sự chuyển biến rõ nét trong việc nâng cao mức sống của người dân, thu nhập bình quân đầu người hàng năm đều tăng, năm 2010 là 30.908.000 đồng (năm 2005 là 12.334.000 đồng) tăng 2,5 lần so năm 2005, hộ nghèo giảm từ 4,41 % năm 2006 xuống còn 1,58% năm 2009, riêng năm 2010 hộ nghèo có 1.286 hộ, chiếm 2,62%, theo tiêu chí mới. Hàng năm giải quyết việc làm cho trên 5.000 lao động.

Hưởng ứng cuộc vận động vì người nghèo từ năm 2006 đến nay, thành phố đã vận động được 33,399 tỷ đồng, cất mới 603 căn và sửa chữa 110 căn, với tổng

số tiền 7,748 tỷ đồng (trong năm 2010 vận động quỹ “Vì người nghèo” được 25,999 tỷ đồng, cất mới 120 căn và sửa chữa 11 căn, với tổng số tiền 1,9 tỷ đồng); đến nay có 12/12 phường, xã được công nhận xóa nhà siêu vẹo; thực hiện Chương trình 134 đã hỗ trợ cất 426 căn nhà cho đồng bào dân tộc thiểu số; Quyết định 167 đã chi hỗ trợ cất 34 căn nhà cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở; Quyết định số 74/2008 của Thủ tướng Chính phủ kết quả đã giải ngân gần 300 triệu đồng với lãi suất 0% cho 29 hộ vay và chi hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề 255 hộ với tổng số tiền 1.106.000.000 đồng.

Tuy nhiên do tác động của cơ chế thị trường, sự phân hóa giàu nghèo diễn ra khá mạnh mẽ và phức tạp, nhất là ở đô thị, đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn, phần lớn các hộ nghèo thường không có nghề nghiệp ổn định, trình độ văn hóa thấp, chưa có kinh nghiệm trong làm ăn kinh tế, thiếu cần cù trong lao động sản xuất, chưa quyết tâm, nỗ lực vượt khó để vươn lên thoát nghèo, còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước và cộng đồng.

PHẦN 2.

CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO TỪ NĂM 2011 ĐẾN 2015

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

Mục tiêu của Chương trình giảm nghèo từ nay đến năm 2015 là tập trung trọng điểm vào các phường, xã vùng ven, có đông hộ nghèo như: Phi Thông, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thông và một số phường, xã có đông đồng bào dân tộc, ưu tiên đầu tư cho xã nông thôn mới Phi Thông. Đưa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến tận người dân. Duy trì tốc độ phát triển kinh tế tăng 15% trở lên, nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế; tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng cho vùng ven đô thị; cải thiện điều kiện sinh hoạt, giao thông nông thôn phường, xã còn khó khăn; hỗ trợ người nghèo tiếp cận với các dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội cơ bản để họ tự lực vươn lên thoát nghèo; tăng cường đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo, hạn chế hộ tái nghèo.

2. Chỉ tiêu cụ thể:

- Phần đầu đến năm 2015 giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2,62% xuống còn dưới 1% (bình quân mỗi năm giảm 0,5%)

- Lao động qua đào tạo đạt từ 45% trở lên; tạo việc làm hàng năm cho 4.000 lao động trở lên; phần đầu hạ tỷ lệ lao động thất nghiệp thành thị xuống còn dưới 3%.

- Phần đầu 02 phường Vĩnh Bảo, Vĩnh Thanh Vân cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chí; các phường, xã còn lại ít nhất phải có 01 khu phố-ấp cơ bản không còn hộ nghèo.

- Hỗ trợ cất mới và sửa chữa trên 600 căn nhà đại đoàn kết từ nguồn vận động Quỹ vì người nghèo và sự tài trợ của các tổ chức kinh tế-xã hội.

II. NHIỆM VỤ, BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

1. Tuyên truyền nâng lên nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và toàn xã hội về chương trình giảm nghèo:

Tiếp tục triển khai những chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác giảm nghèo, đảm bảo sự điều hành thống nhất chương trình giảm nghèo từ cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể địa phương, làm chuyển biến nhận thức trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về kế hoạch giảm nghèo. Xem đây là nhiệm vụ, trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và phải được xã hội hóa, từ đó mọi người, mọi cấp nhận thức đúng để thực hiện có hiệu quả cao.

Phát huy nguồn lực tại chỗ giúp cho người nghèo có điều kiện vươn lên, tham gia vào các hoạt động xã hội, được cộng đồng hỗ trợ, không để người nghèo ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước.

Phát huy nhân rộng các mô hình sản xuất, làm ăn có hiệu quả, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp với điều kiện của từng gia đình hộ nghèo, tạo việc làm tăng thu nhập, thu hút lao động dư thừa vào làm việc, tránh để thời gian nhàn rỗi.

Thu hút nguồn vốn đầu tư, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu vay vốn sản xuất, giúp hộ nghèo được vay vốn với lãi suất thấp tạo cơ hội cho họ vươn lên thoát nghèo.

2. Huy động nguồn lực thực hiện chương trình giảm nghèo:

Củng cố kiện toàn Ban chỉ đạo giảm nghèo ở 2 cấp, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên; xây dựng quy chế phối hợp chặt chẽ để thực hiện có hiệu quả các chương trình lồng ghép ở địa phương; tăng cường quản lý các nguồn vốn vay, vốn vận động, tài trợ; hướng dẫn tập hợp hồ sơ, tập huấn nâng cao năng lực quản lý chương trình cho cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách ở cơ sở. Tăng cường huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể, kịp thời thông tin đầy đủ các chương trình, dự án, chính sách đến người dân, đối tượng được thụ hưởng, đảm bảo tính công khai, minh bạch, dân chủ trong thực hiện chương trình.

3. Đầu tư kết cấu hạ tầng làm chuyển biến bộ mặt xã hội:

Huy động các nguồn lực xã hội tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công trình thiết yếu, tập trung ở một số phường, xã vùng ven và đông đồng bào dân tộc như xã Phi Thông, phường Vĩnh Thông, Vĩnh Hiệp. Ưu tiên các công trình phục vụ nhu cầu đời sống, kinh doanh, giao thương hàng hóa như: công trình điện, nước sinh hoạt, nhựa hóa đường giao thông nông thôn, nâng cấp chợ... góp phần cải thiện, nâng lên chất lượng cuộc sống của người dân, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa các phường, xã vùng ven với các phường nội ô thành phố.

4. Các chính sách, dự án và hoạt động chủ yếu của chương trình:

*** Về tạo vốn và hỗ trợ điều kiện sản xuất:**

Tiếp tục hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho người nghèo, mở rộng đa dạng các nguồn vốn gắn kết hoạt động tín dụng của Ngân hàng chính sách xã hội với các kênh tín dụng và các nguồn quỹ khác, đảm bảo các hộ nghèo có sức lao động, có nhu cầu vay vốn làm ăn được trợ vốn với thủ tục đơn giản thuận tiện. Kết hợp chặt chẽ giữa tín dụng ưu đãi với hoạt động tiết kiệm của các tổ chức đoàn thể nhằm giúp đỡ hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

Tăng cường giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn vay thông qua tổ, nhóm tín dụng và tiết kiệm để hạn chế tình trạng nợ đọng, nợ khó thu hồi, có biện pháp tích

cực để không chế nợ quá hạn không vượt quá tỷ lệ 2% ở từng địa bàn phường, xã. Phối hợp cung cấp tín dụng với chương trình khuyến nông, khuyến ngư, đào tạo nghề, nâng cao năng lực và chuyên giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật cho người nghèo để đảm bảo vốn vay của hộ nghèo được sử dụng có hiệu quả.

*** Tập trung thực hiện các chính sách, dự án và các chương trình phục vụ công tác giảm nghèo:**

Chỉ đạo các phường, xã tổ chức đối thoại hộ nghèo, hộ cận nghèo, qua đó nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của hộ nghèo, cận nghèo, đề ra giải pháp cụ thể như: giải quyết cho hộ nghèo học nghề ngắn hạn, cho vay vốn tạo điều kiện giúp chuyển đổi ngành nghề... Tiếp tục hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho người nghèo, mở rộng đa dạng các nguồn vốn gắn kết hoạt động tín dụng của Ngân hàng chính sách xã hội, phối hợp với các đoàn thể nhân rộng và phát huy hiệu quả mô hình tổ tiết kiệm, tín dụng xoay vòng, tạo điều kiện giúp hộ nghèo có nhu cầu được vay vốn sản xuất kinh doanh, đồng thời quan tâm hỗ trợ phương tiện, kỹ thuật, hướng dẫn phương thức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ giúp hộ nghèo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, phát triển kinh tế gia đình, vươn lên thoát nghèo bền vững.

*** Về chính sách chăm lo sức khỏe, giáo dục, văn hóa cho người nghèo:**

Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ cho người nghèo về y tế, giáo dục, văn hóa và trợ giúp pháp lý. Nâng lên chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với "Xây dựng phường, xã lành mạnh không có tệ nạn xã hội", mở rộng mạng lưới y tế tuyến cơ sở, đưa các chương trình y tế quốc gia đến với hộ nghèo, đảm bảo 100% người nghèo được cấp thẻ BHYT, 95% người nghèo có nhu cầu được trợ giúp pháp lý miễn phí, 100% học sinh nghèo được miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp khác, duy trì công tác CMC, phổ cập giáo dục và chuẩn bị tốt các điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, nâng cao dân trí tạo điều kiện, cơ hội cho người nghèo tiếp cận được với các dịch vụ xã hội thông qua nhiều hình thức giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục-thể thao... phục vụ nhu cầu đời sống tinh thần cho người nghèo thành phố.

*** Quan tâm thực hiện xuất khẩu lao động, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người nghèo:**

Tập trung chỉ đạo điều tra nắm chắc số lao động không có việc làm, tư vấn tạo điều kiện giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư sản xuất kinh doanh vào các lĩnh vực công nghiệp - TTCN, chế biến nông hải sản, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, mở rộng mạng lưới dịch vụ, du lịch tạo ra nhiều ngành nghề để thu hút lao động nghèo không có đất sản xuất.

Phối hợp tổ chức các lớp dạy nghề ngắn hạn, dài hạn phù hợp với trình độ văn hóa, nhu cầu của người lao động; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề miễn phí cho lao động nghèo, người dân tộc, lao động ở nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đầu tư mở rộng mạng lưới đào tạo nghề bằng nhiều hình thức theo hướng xã hội hóa để phục vụ cho chuyên dịch cơ cấu kinh tế, tăng quy mô đào tạo nghề hàng năm từ 20-30%, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đến năm 2015 đạt trên 40%. Song song đó, vận động người dân

nhất là hộ nghèo có con em trong độ tuổi đi học đều phải đến trường, đồng thời thực hiện tốt kế hoạch hóa gia đình.

5. Nhân rộng các mô hình giảm nghèo:

Tập trung chỉ đạo xây dựng và rút kinh nghiệm các mô hình giảm nghèo có hiệu quả và bền vững như các câu lạc bộ, tổ, nhóm thoát nghèo, giúp nhau làm kinh tế, mô hình phát triển các ngành nghề truyền thống ở địa phương, các dự án nuôi trồng thủy sản ở các phường, xã vùng ven... Thường xuyên phát động các phong trào thi đua như: phong trào nông dân sản xuất giỏi, phong trào phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình... Hướng dẫn nhân dân khai thác các mô hình làm ăn có hiệu quả, nhằm tạo việc làm và thu nhập ổn định góp phần tích cực trong công tác giảm nghèo. Hàng năm, tổ chức hoạt động khen thưởng các cá nhân, tập thể làm tốt công tác giảm nghèo, lựa chọn các mô hình sản xuất kinh doanh làm ăn có hiệu quả để rút kinh nghiệm và phổ biến nhân rộng.

6. Tích cực phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và các tổ chức xã hội:

Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội, trong công tác tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện tốt công tác giảm nghèo, quan tâm xóa nghèo trong hội viên, đoàn viên; hướng dẫn hộ nghèo chi tiêu hợp lý, biết tích lũy để phát triển kinh tế gia đình, thông qua nhiều hình thức, giúp đỡ hỗ trợ hộ nghèo vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống, phối hợp với chính quyền địa phương bài trừ các tệ nạn xã hội như: cờ bạc, mê tín dị đoan, ma túy, mại dâm... góp phần xây dựng nếp sống văn minh, địa bàn văn hóa. Nâng lên chất lượng, hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng ý thức tương trợ "tình làng nghĩa xóm" trong cộng đồng dân cư.

Tiếp tục phối hợp vận động Quỹ "vì người nghèo" để hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà chính sách, nhà đồng đội, nhà tình thương... phân đấu hàng năm vận động trên 1 tỷ đồng. Phát động phong trào giúp nhau thoát nghèo trong từng đoàn thể, đoàn viên, hội viên, trong thân tộc, đồng bào dân tộc, các gia đình chính sách... Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn quỹ thực hiện tốt công tác giảm nghèo trên địa bàn thành phố.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Căn cứ kế hoạch này các phòng, ban ngành liên quan và UBND các phường, xã cụ thể hóa tổ chức thực hiện lồng ghép vào chương trình hoạt động của cơ quan, đơn vị, xem đây là nhiệm vụ thường xuyên và có chiến lược lâu dài, là yếu tố tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Củng cố kiện toàn Ban chỉ đạo giảm nghèo 2 cấp, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên, xây dựng quy chế phối hợp chặt chẽ để thực hiện có hiệu quả các chương trình lồng ghép ở địa phương.

1. Phòng Lao động-TB&XH: chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu đề xuất UBND thành phố xây dựng kế hoạch, quy trình rà soát hộ nghèo hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Lao động-TBXH. Tổ chức triển khai, giám sát và định kỳ báo cáo sơ, tổng kết kế hoạch đề ra. Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc ngành quản lý cho người nghèo; tổ chức sơ kết, đánh giá, nhân

rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả; tăng cường phối hợp dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động nghèo, lao động nông thôn; thực hiện tốt chính sách trợ cấp khó khăn, trợ cấp xã hội và bảo lưu chế độ chính sách cho những hộ mới thoát nghèo.

2. Chi cục Thống kê: phối hợp với các phòng, ban liên quan giúp UBND thành phố khảo sát điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm; phân tích đánh giá chính xác thực trạng hộ nghèo, hộ thoát nghèo, tái nghèo làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện chương trình trong từng giai đoạn.

3. Phòng Kinh tế: tổ chức hội thảo, giới thiệu các mô hình, các điểm trình diễn, từ đó làm cơ sở để triển khai nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn, phối hợp Hội nông dân nâng lên chất lượng thực hiện các dự án hỗ trợ điều kiện sản xuất, cải thiện đời sống sinh hoạt cho nông dân các phường, xã vùng ven, vùng đồng bào dân tộc.

4. Các phòng: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hoá và Thông tin, Tư pháp: phối hợp với các phường, xã quan tâm thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ học bổng, miễn giảm học phí, chi phí cho người nghèo khi có nhu cầu tiếp cận các dịch vụ văn hóa, xã hội. Tham mưu giúp UBND thành phố quy hoạch phát triển nhanh hệ thống giáo dục, y tế tuyến cơ sở đạt chuẩn quốc gia. Thường xuyên tổ chức các đợt tư vấn, trợ giúp pháp lý lưu động nhằm giúp hộ nghèo nâng lên nhận thức, kiến thức pháp luật.

5. Đài Truyền thanh thành phố: Chuẩn bị nội dung tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng giúp người dân nhận thức được lợi ích của chương trình giảm nghèo, xem đây là nhiệm vụ, trách nhiệm của mọi tầng lớp để thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo.

6. UBND các phường, xã: xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo ở cấp mình giai đoạn 2011-2015, trong đó xác định rõ mục tiêu phấn đấu và đề ra biện pháp sát hợp cho từng năm; chỉ đạo các khu phố, ấp, tổ NDTQ bổ sung tiêu chí giảm nghèo vào quy ước văn hóa, làm cơ sở để xét các danh hiệu văn hóa vào cuối năm; rà soát, bình xét công khai dân chủ đối với hộ nghèo khi được hưởng chính sách.

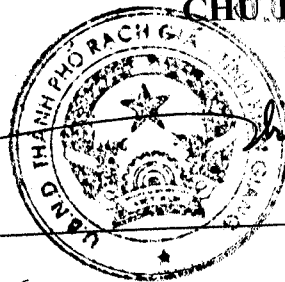
Trên đây là Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn thành phố Rạch Giá. Căn cứ chương trình này, các ngành liên quan và UBND phường, xã xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện. Kết thúc từng năm tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm, nhân rộng điển hình các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, đến năm 2015 tổ chức tổng kết việc thực hiện chương trình. *T. Nguyễn C.*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở LĐ-TB&XH tỉnh;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND&UBND/TP;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể/TP;
- UBND các phường xã;
- Lưu, vt, ntkcuong.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Bé Dũng

PHỤ LỤC SỐ LIỆU GIẢM NGHÈO ĐẾN NĂM 2015

| Stt | Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2010 | Chỉ tiêu qua các năm | | | | | | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|-------------|----------------|----------------------|---------|---------|---------|---------|--|---------|
| | | | | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | | |
| 1 | Dân số | người | 226,700 | 229,020 | 232,340 | 235,670 | 239,000 | 242,330 | | |
| 2 | Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên | % | 1.12 | 1.1 | 1.08 | 1.06 | 1.04 | 1 | | |
| 3 | Tổng số hộ dân | hộ | 49,450 | 50,030 | 50,610 | 51,180 | 51,750 | 52,320 | | |
| 4 | Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) | % | 2.62 | 2.12 | 1.72 | 1.42 | 1.17 | 1 | | |
| 5 | Tổng số hộ nghèo | hộ | 1,286 | 1,061 | 871 | 727 | 606 | 524 | | |